

Chương: 830

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
03 THÁNG NĂM 2026**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Văn phòng HĐND và UBND xã Hải Hưng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 03 tháng năm 2026 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	35.661,22	3.957,37	11,10	-
I	Nguồn ngân sách trong nước	35.661,22	3.957,37	11,10	-
1	Chi quản lý hành chính	21.361,34	3.301,37	15,45	-
	Văn phòng HĐND và UBND xã	19.152,71	2.855,25	14,91	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	10.566,73	1.957,00	18,52	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	8.585,98	898,25	10,46	
	Quốc phòng	469,64	61,88	13,18	-
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	407,00	18,25	4,48	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	62,64	43,64	69,67	
	An ninh và trật tự an toàn xã hội	1.739,00	384,24	22,10	-
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	1.739,00	384,24	22,10	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	-	-		-
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-		-
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	-		-
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo</i>				
-	<i>Nhiệm vụ chuyển đổi số</i>				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	-	-		-
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-		-
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội	328,20	328,20	100,00	-
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-		
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	328,20	328,20	100,00	
6	Chi hoạt động kinh tế	11.353,77	-	-	-
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.450,00		-	
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	9.903,77		-	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	850,50	-	-	-
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	850,50		-	
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	1.177,90	323,29	27,45	-
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.017,00	214,39	21,08	
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	160,90	108,90	67,68	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	270,00	-	-	-
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	270,00		-	

